

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thành lập Đoàn thẩm tra, đánh giá thực tế kết quả thực hiện xây dựng  
huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao  
tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 319/TTr-SNN ngày 23/12/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Đoàn thẩm tra, đánh giá thực tế kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là Đoàn thẩm tra) gồm các thành viên tại Phụ lục 01 kèm theo.

**Điều 2.** Nhiệm vụ và hoạt động của Đoàn thẩm tra

1. Nhiệm vụ của Đoàn thẩm tra

Đoàn thẩm tra có nhiệm vụ thẩm tra hồ sơ và đánh giá thực tế kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao đối với từng huyện đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao.

2. Hoạt động của Đoàn thẩm tra

- Đoàn thẩm tra thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Đoàn thẩm tra;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tham mưu xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động của Đoàn thẩm tra;

- Thành viên Đoàn thẩm tra chịu trách nhiệm: Đánh giá các nội dung, tiêu chí do sở, ngành phụ trách tại Phụ lục 02 kèm theo; tham dự đầy đủ theo kế hoạch thẩm tra, đánh giá thực tế khi được triệu tập; báo cáo bằng văn bản về kết quả đánh giá, xác nhận mức độ đạt chuẩn đối với các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao đối với từng huyện;

- Kinh phí hoạt động của Đoàn thẩm tra thực hiện theo quy định pháp luật, được trích từ nguồn sự nghiệp ngân sách trung ương thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cấp cho Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. *vu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Hưng**





**Phụ lục 01**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐOÀN THĂM TRA**

*(Kèm theo Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 29 /12/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

1. Ông Hồ Xuân Hòe, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh - Trưởng đoàn;
2. Ông Nguyễn Phú Quốc, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phó trưởng đoàn;
3. Ông Hoàng Kỳ, Giám đốc Sở Tư pháp - Thành viên;
4. Ông Trần Hữu Anh, Phó Giám đốc Sở Nội vụ - Thành viên;
5. Ông Văn Đức Lợi, Phó Giám đốc Sở Xây dựng - Thành viên;
6. Ông Nguyễn Hữu Hưng, Phó Giám đốc Sở Công Thương - Thành viên;
7. Ông Nguyễn Huy Hùng, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thành viên;
8. Ông Phạm Văn Nghiệm, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư - Thành viên;
9. Ông Nguyễn Đức Hà, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải - Thành viên;
10. Ông Nguyễn Hữu Nam, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường - Thành viên;
11. Ông Trần Văn Thịnh, Phó Giám đốc Sở Y tế - Thành viên;
12. Ông Mai Huy Phương, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo - Thành viên;
13. Bà Nguyễn Thị Huyền, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông - Thành viên;
14. Ông Kiều Đức Tính, Phó Giám đốc Công an tỉnh - Thành viên;
15. Mời ông Lê Hồng Sơn, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh - Thành viên;
16. Ông Trần Trọng Tuấn, Phó Chánh Văn phòng, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh - Thư ký.

**Phụ lục 02**

**NHIỆM VỤ CỦA CÁC SỞ, NGÀNH THAM GIA ĐOÀN THẨM TRA**  
(Kèm theo Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị)

**I. THẨM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

| TT | Nội dung, tiêu chí thẩm tra, đánh giá |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Sở, ngành phụ trách thẩm tra, đánh giá                                                                  |
|----|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Quy hoạch                             | <p>1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn</p> <p>1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt</p> | Sở Xây dựng                                                                                             |
| 2  | Giao thông                            | <p>2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm</p> <p>2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch</p> <p>2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường</p> <p>2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên</p>                          | <p>Sở Giao thông vận tải</p> <p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>Sở Giao thông vận tải</p> |
| 3  | Thủy lợi và phòng, chống thiên tai    | <p>3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch</p> <p>3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ</p>                                                                                                                                                                                 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                                                                  |
| 4  | Điện                                  | Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống                                                                                                                                                                                                                                                    | Sở Công Thương                                                                                          |
| 5  | Y tế - Văn hóa - Giáo dục             | <p>5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn</p> <p>5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã</p> <p>5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên</p> <p>5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục</p>                | <p>Sở Y tế</p> <p>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> <p>Sở Giáo dục và Đào tạo</p>                     |



| TT | Nội dung, tiêu chí thẩm tra, đánh giá |                                                                                                                                                                                                                              | Sở, ngành phụ trách thẩm tra, đánh giá |
|----|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 6  | Kinh tế                               | 6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn                                                                                                            | Sở Công Thương                         |
|    |                                       | 6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm                                                                                                                                                             |                                        |
|    |                                       | 6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện       | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|    |                                       | 6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả                                                                                                                                                                    |                                        |
| 7  | Môi trường                            | 7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh                                        | Sở Tài nguyên và Môi trường            |
|    |                                       | 7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn                                                                                                                                                           |                                        |
|    |                                       | 7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên                                                                                                                                         | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|    |                                       | 7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp                                                                                                                                             | Sở Tài nguyên và Môi trường            |
|    |                                       | 7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu |                                        |
|    |                                       | 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn                                                                                                                                                                | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|    |                                       | 7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định                                                                                                                     | Sở Tài nguyên và Môi trường            |
|    |                                       | 7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định                                                                                               |                                        |

| TT | Nội dung, tiêu chí thẩm tra, đánh giá                                                                                           |                                                                                                                                                                                    | Sở, ngành phụ trách thẩm tra, đánh giá |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 8  | Chất lượng môi trường sống                                                                                                      | 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung                                                                                                 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|    |                                                                                                                                 | 8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững                                                                                          |                                        |
|    |                                                                                                                                 | 8.3. Có Kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện                         | Sở Tài nguyên và Môi trường            |
|    |                                                                                                                                 | 8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn                                                                                       |                                        |
|    |                                                                                                                                 | 8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm                                                                | Sở Y tế                                |
| 9  | Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công                                                                          | 9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên                                                                                           | Sở Nội vụ                              |
|    |                                                                                                                                 | 9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên                                                                                 |                                        |
|    |                                                                                                                                 | 9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự |                                        |
|    |                                                                                                                                 | 9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự                                                                                                                                                      | Công an tỉnh                           |
|    |                                                                                                                                 | 9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên                                                                                                                                   | Sở Thông tin và Truyền thông           |
|    |                                                                                                                                 | 9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định                                                                                                                              | Sở Tư pháp                             |
| 10 | Có tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của cấp huyện đáp ứng yêu cầu theo quy định |                                                                                                                                                                                    | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh        |
| 11 | Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn                                    |                                                                                                                                                                                    | Sở Kế hoạch và Đầu tư                  |



## II. THẨM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

| TT | Nội dung, tiêu chí phụ trách thẩm tra, đánh giá |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Sở, ngành phụ trách thẩm tra, đánh giá |
|----|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1  | Quy hoạch                                       | <p>1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn</p> <p>1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Sở Xây dựng                            |
| 2  | Giao thông                                      | <p>2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa</p> <p>2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp</p> <p>2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên</p> | Sở Giao thông vận tải                  |
| 3  | Thủy lợi và phòng, chống thiên tai              | <p>3.1. Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyên đổi số</p> <p>3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện</p> <p>3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ</p>                                                                                                                                                                                                  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 4  | Điện                                            | Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Sở Công Thương                         |
| 5  | Y tế - Văn hóa - Giáo dục                       | <p>5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)</p> <p>5.2. Có công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Sở Y tế                                |

| TT | Nội dung, tiêu chí phụ trách thẩm tra, đánh giá |                                                                                                                                                                                                                               | Sở, ngành phụ trách thẩm tra, đánh giá |
|----|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|    |                                                 | 5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả            | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch        |
|    |                                                 | 5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2                                                                                             | Sở Giáo dục và Đào tạo                 |
|    |                                                 | 5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục                                                                                                                                 |                                        |
| 6  | Kinh tế                                         | 6.1. Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ | Sở Công Thương                         |
|    |                                                 | 6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến                                                     | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|    |                                                 | 6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định                                                                                                                                       | Sở Công Thương                         |
|    |                                                 | 6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả                                                                                                | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|    |                                                 | 6.5. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội                                                                                                                                   | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch        |
| 7  | Môi trường                                      | 7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định                                                                                                     | Sở Tài nguyên và Môi trường            |
|    |                                                 | 7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường                                                                                               |                                        |



| TT | Nội dung, tiêu chí phụ trách thẩm tra, đánh giá |                                                                                                                                                              | Sở, ngành phụ trách thẩm tra, đánh giá |
|----|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|    |                                                 | 7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|    |                                                 | 7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn                                                                                           | Sở Tài nguyên và Môi trường            |
|    |                                                 | 7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp                                            |                                        |
|    |                                                 | 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn                                                                                                | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|    |                                                 | 7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện                                                                                                | Sở Tài nguyên và Môi trường            |
|    |                                                 | 7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định                                                     |                                        |
| 8  | Chất lượng môi trường sống                      | 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung                                                                           | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|    |                                                 | 8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm                                                                                               |                                        |
|    |                                                 | 8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững                                                 |                                        |
|    |                                                 | 8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường                                                                                | Sở Tài nguyên và Môi trường            |
|    |                                                 | 8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn                                                                 |                                        |
|    |                                                 | 8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm                                          | Sở Y tế                                |
|    |                                                 | 8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ         | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

| TT | Nội dung, tiêu chí phụ trách thẩm tra, đánh giá                                                                                 |                                                                                              | Sở, ngành phụ trách thẩm tra, đánh giá |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|    |                                                                                                                                 | 8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện | Sở Y tế                                |
|    |                                                                                                                                 | 8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh                                                          | Văn phòng Điều phối NTM tỉnh           |
| 9  | An ninh, trật tự - Hành chính công                                                                                              | 9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao                   | Công an tỉnh                           |
|    |                                                                                                                                 | 9.2. Có dịch vụ công trực tuyến                                                              | Sở Thông tin và Truyền thông           |
| 10 | Có tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của cấp huyện đáp ứng yêu cầu theo quy định |                                                                                              | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh  |
| 11 | Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn                                    |                                                                                              | Sở Kế hoạch và Đầu tư                  |